

Bản án số: 45/2022/HS-PT  
Ngày: 17/02/2022.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên.

Các Thẩm phán:

- Ông Vũ Văn Lệ.
- Ông Phạm Viết Hùng.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Minh Phước – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 21/2022/HSPT ngày 10/01/2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn T do có kháng cáo của bị hại Trần Trung A đối với bản án hình sự sơ thẩm số 128/2021/HS-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm: 1980 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 1125 N, Khu phố A, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Tài xế; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị C; có vợ và 02 con sinh năm 2007 và năm 2012; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

Bị hại có kháng cáo: ông Trần Trung A, sinh năm 1977; trú tại: 8/5C ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự: Luật sư Nguyễn Hồng Nhân thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại Trần Trung A (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2018, Trần Trung A vay nợ Nguyễn Văn T số tiền 418.000.000 đồng, T nhiều lần đòi nợ nhưng A không có tiền trả. Khoảng 21 giờ ngày 17/01/2021, T cùng vợ là Nguyễn Kim Huệ và Võ Thành Tiến (bạn của vợ chồng Tý) đến nhà A tại địa chỉ 8/5C ấp T, xã T, huyện H để đòi tiền. Khi đến nơi, Huệ và T vào trong nhà nói chuyện với A, còn Tiến đứng ngoài đầu hẻm. Trong lúc nói chuyện thì hai bên xảy ra cự cãi với nhau, Huệ can ngăn và kêu T ra ngoài để Huệ nói chuyện với A. Khi T đi ra ngoài thì thấy xe ô tô biển số 86A-157.56 của A đang đậu trong hẻm gần nhà, cốp sau của xe ô tô không khóa, hờ lên nên T mở cốp xe lấy 01 ba lô màu xám bên trong có 01 máy tính laptop màu xám nhãn hiệu Dell, 02 ổ cứng di động và một số giấy tờ cá nhân rồi mang ra đầu hẻm nhờ Tiến mang về nhà T giúp. Sau khi Huệ và T về, T kiểm tra xe ô tô phát hiện mất trộm tài sản nên đến Công an trình báo. Đến ngày 18/01/2021, công an xã T mời T về làm việc, T đã giao nộp ba lô trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 31/2021 ngày 18/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn kết luận: 01 máy tính laptop màu xám nhãn hiệu Dell số seri 7548, màn hình 15 inch, màu xám trị giá 3.000.000 đồng; 01 ổ cứng hiệu Samsung màu đen, dung lượng 256GB trị giá 200.000 đồng; 01 ổ cứng hiệu WD màu đen, dung lượng 1000GB trị giá 400.000 đồng; 01 ba lô không nhãn hiệu, màu xám trị giá 50.000 đồng. Tổng cộng: 3.650.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 máy tính laptop màu xám nhãn hiệu Dell; 02 ổ cứng di động; 01 chiếc ba lô màu xám, không nhãn hiệu; 01 con dấu công ty Ngân Trung, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Trần Trung A.

Về dân sự: bị hại Trần Trung A đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Tại Bản cáo trạng số 118/VKS-HS ngày 21/7/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 128/2021/HS-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường

hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T không kháng cáo.

Ngày 10/12/2021, bị hại là Trần Trung A có đơn kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đề nghị xem xét lại hành vi phạm tội của bị cáo không phải là trộm cắp tài sản và xem xét lại hành vi của vợ bị cáo Tý và người khác có tham gia cùng bị cáo lấy tài sản.

Tại phiên tòa ông Trần Trung A giữ nguyên toàn bộ nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn T đã thừa nhận toàn bộ nội dung sự việc, diễn biến các hành vi như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên. Bị cáo mong muốn được Hội đồng xét xử tuyên y án sơ thẩm để có điều kiện sửa chữa lỗi lầm, hòa nhập xã hội.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định bản án sơ thẩm đã áp dụng các căn cứ pháp luật để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo không kháng cáo, bị hại Trần Trung A kháng cáo trong thời gian hợp lệ. Đối với kháng cáo của Trần Trung A yêu cầu xem xét lại tội danh của bị cáo và vai trò của những người liên quan đến vụ án là không có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị hại Trần Trung A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn T không tranh luận.

Luật sư Nguyễn Hồng Nhân trình bày bài bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại Trần Trung A thống nhất với tội danh mà cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử đối với bị cáo T. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm h và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự vì bị cáo không thành khẩn khai báo trong quá trình điều tra và bị cáo phạm tội đã gây thiệt hại cả về thể chất và tinh thần đối với bị hại. Do đó, đề nghị xem xét không cho bị cáo T được hưởng án treo, đồng thời kiến nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi gây rối trật tự công cộng và cưỡng đoạt tài sản của bị cáo.

Ông Trần Trung A tranh luận: không đồng ý với quan điểm của luật sư về đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo T, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem

xét lại vai trò của những người liên quan đến vụ án là Nguyễn Kim Huệ, Võ Thành Tiến và xem xét lại tội danh của bị cáo T là cưỡng đoạt tài sản.

Đối đáp lại quan điểm của phía bị hại, luật sư, đại diện Viện kiểm sát cho rằng: bị cáo đã lén lút lấy tài sản của bị hại, không có sự uy hiếp nào nên không phạm vào tội cưỡng đoạt tài sản. Bà Huệ và ông Tiến không biết và không tham gia vào việc trộm cắp tài sản của bị cáo nên không có cơ sở để xử lý. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm mà luật sư nêu, xét thấy ngay sau khi được mời lên công an xã làm việc bị cáo đã nộp lại toàn bộ tài sản trộm cắp và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội; những tổn thất về tinh thần và thể chất của bị hại như luật sư trình bày không có chứng cứ để chứng minh. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hóc Môn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân huyện Hóc Môn, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thẩm phán trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn T đã thừa nhận: Khoảng 21 giờ ngày 17/01/2021, T cùng vợ là Nguyễn Kim Huệ và bạn là Võ Thành Tiến đến nhà Trần Trung A tại địa chỉ 8/5C ấp T để nói chuyện về việc nợ tiền. Khi ra ngoài, T đã có hành vi lén lút lấy trộm tài sản là 01 ba lô màu xám bên trong có 01 máy tính laptop màu xám nhãn hiệu Dell; 02 ổ cứng di động để trong cốp sau xe ô tô biển số 86A-157.56 của Trần Trung A. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt trị giá 3.650.000 đồng. (Theo kết luận định giá số 31/2021 ngày 18/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hóc Môn).

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ như các biên bản hoạt động điều tra, biên bản hỏi cung bị can, lời khai của bị hại, của người làm chứng, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định... nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Đối với bà Nguyễn Kim Huệ (vợ bị cáo T) và ông Võ Thành Tiến (bạn của vợ chồng T): xét thấy bà Huệ và ông Tiến không trực tiếp lấy tài sản của ông A và cũng không biết tài sản mà T đưa là do trộm cắp mà có nên cấp sơ thẩm không xem xét xử lý đối với bà Huệ, ông Tiến là có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn theo quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng quy định.

Về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn T, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo không kháng cáo, bị hại cũng không đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xét.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy các nội dung kháng cáo của ông Trần Trung A và quan điểm của luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông A là không có cơ sở nên không chấp nhận.

[3] Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị hại Trần Trung A phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Trần Trung A, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 128/2021/HS-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc

ông Trần Trung A phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích án treo).

**Nơi nhận:**

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- VKSND huyện Hóc Môn; (1)
- CC THA huyện Hóc Môn; (1)
- Bị cáo; (1)
- TAND huyện Hóc Môn; (2)
- Công an huyện Hóc Môn; (1)
- Phòng PC 53-CA TP.HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Sở tư pháp; (1)
- Luật sư, đương sự; (2)
- Lưu, hình sự, hồ sơ (21) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên**